

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chấp thuận danh mục công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật số 43/2024/QH15 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15 và Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH2015 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định 151/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021 - 2025; Quyết định số 227/QĐ-TTg ngày 12 tháng 3 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh một số chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2025 được Thủ tướng Chính phủ phân bổ tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022.;

Căn cứ Quyết định số 377/QĐ-TTg ngày 12 tháng 4 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Bình thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1737/QĐ-TTg ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Xét đề nghị của UBND các xã, phường, đặc khu về việc đăng ký danh mục dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất sang mục đích khác;



Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 582/TTr-SNNMT ngày 03 tháng 11 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp thuận danh mục công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất trên địa bàn tỉnh Quảng Trị. Cụ thể như sau:

Tổng số danh mục chấp thuận là 61 công trình, dự án. Tổng diện tích sử dụng đất: 877,81 ha, bao gồm: 27,26 ha đất trồng lúa; 237,15 ha đất rừng phòng hộ; 488,19 ha đất rừng sản xuất và 125,21 ha các loại đất khác.

(Chi tiết có phụ lục kèm theo)

Điều 2. Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu có trách nhiệm:

1. Công bố, công khai danh mục công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất trên địa bàn theo đúng quy định của pháp luật về đất đai.

2. Thực hiện giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật.

3. Tổ chức kiểm tra thường xuyên việc triển khai các công trình, dự án trên địa bàn theo đúng quy định.

4. Định kỳ hàng năm báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Xây dựng, Công Thương; Thủ trưởng các sở, ngành, đơn vị có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. ✓

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hoàng Nam



Phụ lục

DANH MỤC DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG ĐẶC DỤNG, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, ĐẤT RỪNG SẢN XUẤT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG TRỊ

(Kèm theo Quyết định số: 2692 /QĐ-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2025 của UBND tỉnh Quảng Trị)

Đơn vị tính: ha

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án (xã, phường, đặc khu)	Diện tích	Trong đó				
				Đất trồng lúa	Đất rừng đặc dụng	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng sản xuất	Các loại đất khác
1	Nhà máy điện gió Quảng Trị Win 1	Lao Bảo, Hướng Phùng	23,42			15,40	4,41	3,61
2	Nhà máy điện gió Quảng Trị Win 2	Lao Bảo, Khe Sanh, Hướng Phùng	20,73			15,83	0,17	4,73
3	Dự án Nhà máy điện gió TNC Quảng Trị 1	Lao Bảo	24,59				24,59	
4	Dự án Nhà máy điện gió TNC Quảng Trị 2	Lao Bảo	17,98				17,98	
5	Nghĩa trang nhân dân thị trấn Lao Bảo (giai đoạn 1)	Lao Bảo	2,22				2,22	
6	Dự án Đường giao thông phục vụ dân sinh và vận chuyển thiết bị, sửa chữa vận hành Nhà máy điện gió Tài Tâm	Khe Sanh	2,00				1,62	0,38
7	Dự án Khu chăn nuôi lợn giống và thương phẩm ứng dụng công nghệ cao DABACO Quảng Trị	Triệu Phong	63,65				63,65	
8	Dự án Đầu tư xây dựng và Kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Cụm Công nghiệp Cam Thành mở rộng	Cam Lộ	30,00				19,84	10,16

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án (xã, phường, đặc khu)	Diện tích	Trong đó				
				Đất trồng lúa	Đất rừng đặc dụng	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng sản xuất	Các loại đất khác
9	Dự án Khu nghỉ dưỡng Sea Flower Resort	Phú Trạch	4,72				3,04	1,68
10	Dự án Sản xuất kết cấu thép và gia công kim loại	Phú Trạch	1,87	1,29				0,58
11	Dự án Trang trại chăn nuôi lợn Công nghệ cao Triệu Ái	Ái Tử	30,93				30,93	
12	Dự án Mở rộng Đền thờ 2500 liệt sỹ Trung đoàn 27 tại thôn Phương Ngạn	Ái Tử	0,25	0,25				
13	Dự án Kho bãi hàng hoá, logistics và khu phục vụ	La Lay	5,20				2,00	3,20
14	Dự án Khu dịch vụ tổng hợp Tân Tiến	Tuyên Hoá	0,18	0,17				0,01
15	Khu tái định cư Tuyến đường bộ ven biển đoạn tuyến qua khu vực cầu Cửa Tùng - Cửa Việt	Nam Cửa Việt	0,70	0,70				
16	Khu nghỉ trang, nghỉ địa phục vụ di dời mô mã để GPMB công trình Tuyến đường bộ ven biển đoạn tuyến qua khu vực cầu Cửa Tùng - Cửa Việt	Nam Cửa Việt	4,10			4,10		
17	Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Cappella Quảng Trị	Nam Cửa Việt	220,47	2,25		182,24		35,98
18	Chùa Kỳ Viên	Quảng Ninh	0,58				0,58	
19	Dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp tại mỏ Hải Lệ 4 thuộc xã Hải Lệ, thị xã Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị (giai đoạn 2)	Quảng Trị	34,85				34,85	

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án (xã, phường, đặc khu)	Diện tích	Trong đó				
				Đất trồng lúa	Đất rừng đặc dụng	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng sản xuất	Các loại đất khác
20	Dự án Nhà máy sản xuất bê tông thương phẩm, cầu kiện bê tông đúc sẵn và gạch không nung (phần bổ sung)	Hải Lăng	0,52				0,52	
21	Dự án Địa điểm đóng quân và hoạt động của Liên đội Thanh niên xung phong Giải phóng Quảng Trị (năm 1965 - 1969)	Hải Lăng	0,12				0,12	
22	Dự án sử dụng đất do Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Triệu Hải bàn giao cho địa phương quản lý tại khu vực Khe Khế	Hải Lăng	46,00				46,00	
23	Công trình khai thác mỏ đất làm vật liệu san lấp	Hải Lăng	14,60				14,60	
24	Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư và dân cư tiếp giáp đường BOT đô thị Dinh Mười (các lô MN; BT-07,08; OHH-01,02)	Ninh Châu	4,00				4,00	-
25	Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư và dân cư phía Đông Nam đô thị Dinh Mười (các lô BT-03,04; TMDV-04,05,06)	Ninh Châu	2,70				2,70	-
26	Đường trung tâm xã Gia Ninh đoạn từ Ngã ba Mỹ Trung đi Trạm Y tế xã (Đi về phía Đông trụ sở UBND xã)	Ninh Châu	2,51				2,10	0,41
27	Dự án Khu biệt thự nghỉ dưỡng FLC Hải Ninh	Ninh Châu	29,12				12,33	16,79

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án (xã, phường, đặc khu)	Diện tích	Trong đó				
				Đất trồng lúa	Đất rừng đặc dụng	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng sản xuất	Các loại đất khác
28	Khu thương mại dịch vụ tổng hợp Dinh Mùoi	Ninh Châu	0,67				0,67	
29	Dự án Trang trại nuôi trồng thủy sản Nhất Nước	Quảng Trạch	1,25				1,25	
30	Dự án Nhà máy sản xuất may mặc gia công xuất khẩu	Quảng Trạch	4,50				4,35	0,15
31	Đường Giao thông nông thôn từ Quốc lộ 15A đi trụ sở xã Cự Nẫm	Bố Trạch	2,36	1,79				0,57
32	Dự án Đầu tư hạ tầng kỹ thuật để phát triển quỹ đất tại khu vực thôn Nam, xã Vạn Trạch (khu vực 2)	Bố Trạch	1,00	0,31				0,69
33	Dự án Nhà máy sản xuất viên gỗ nén năng lượng Austwood Quảng Trị	Vĩnh Linh	9,95				9,95	
34	Dự án Nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi gia súc KIDOS	Vĩnh Linh	2,12				2,05	0,07
35	Dự án Trường nội trú Tiểu học và Trung học cơ sở Dân Hóa	Dân Hoá	14,00				14,00	
36	Dự án Trường nội trú Tiểu học và Trung học Đakrông	Đakrông	5,76				5,06	0,70
37	Xây dựng Đường cứu nạn tại Km57+620(P)	Đakrông	0,38				0,38	
38	Trường Tiểu học thôn Chai xã Đakrông	Đakrông	0,33				0,33	
39	Dự án xây dựng Nhà thờ Lễ Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh	Trường Ninh	1,58	1,31				0,27



STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án (xã, phường, đặc khu)	Diện tích	Trong đó				
				Đất trồng lúa	Đất rừng đặc dụng	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng sản xuất	Các loại đất khác
40	Dự án Đầu tư xây dựng và Kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Cụm Công nghiệp Cam Tuyên 2	Hiếu Giang	50,00				50,00	
41	Dự án Đầu tư xây dựng và Kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Cụm Công nghiệp Cam Hiếu 2	Hiếu Giang	50,03				50,03	
42	Dự án khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại Lèn Lạc Thiện, xã Minh Hóa, xã Tân Hóa của Hợp tác xã sản xuất VLXD Huy Hoàng	Kim Phú	4,22				1,20	3,02
43	Dự án Trạm bảo vệ rừng Cồn Roàng (Trạm Kiểm lâm)	Thượng Trạch	0,11				0,11	
44	Dự án Trường nội trú Tiểu học và Trung học cơ sở Thượng Trạch	Thượng Trạch	5,58				0,78	4,80
45	Dự án Thủy Điện Hướng Phùng	Hướng Phùng; Lao Bảo	37,70	0,09		5,09	1,12	31,40
46	Thu hồi bổ sung diện tích đất Dự án Nhà máy Điện gió Hướng Linh 1	Hướng Phùng	4,40	0,01		0,66	2,19	1,54
47	Thu hồi bổ sung diện tích đất Dự án Nhà máy Điện gió Hướng Linh 2	Hướng Phùng, Đakrông	2,33	0,01		0,85	0,68	0,79
48	Dự án Khu Showroom ô tô và dịch vụ văn phòng Trần Pháp	Ba Đồn	0,21				0,17	0,04
49	Dự án Xây dựng Khu thể thao tổng hợp Tuấn Hoà	Ba Đồn	0,55	0,22				0,33
50	Khu du lịch sinh thái Quảng Thọ	Bắc Gianh	12,98			12,98		

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án (xã, phường, đặc khu)	Diện tích	Trong đó				
				Đất trồng lúa	Đất rừng đặc dụng	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng sản xuất	Các loại đất khác
51	Dự án Khu đô thị phía Tây đường Phan Huy Chú	Đồng Hới	8,95	8,52				0,43
52	Khu dịch vụ du lịch Bảo Ninh	Đồng Hới	0,91				0,91	
53	Khu đô thị Bảo Ninh 6	Đồng Hới	41,91				41,36	0,55
54	Khu Nhà ở xã hội Trung tâm thành phố Đồng Hới	Đồng Hới	0,88	0,64				0,24
55	Khu đô thị phía Tây Bắc đường Lê Lợi, thành phố Đồng Hới	Đồng Hới	11,51	9,61				1,9
56	Dự án Bệnh viện Đa khoa TTH Quảng Bình của Công ty Cổ phần TTH Group	Đồng Hới	0,28	0,09				0,19
57	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư thôn Thái Lai	Vĩnh Hoàng	1,63				1,63	
58	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư thôn Thái Lai, xã Vĩnh Hoàng thuộc dự án: Đường ven biển kết nối hành lang kinh tế Đông Tây tỉnh Quảng Trị giai đoạn 1.	Vĩnh Hoàng	0,20				0,20	
59	Dự án Trường nội trú Tiểu học và Trung học cơ sở Trường Sơn	Trường Sơn	5,00				5,00	
60	Dự án Trang trại nông nghiệp sinh thái thích ứng biến đổi khí hậu	Hoàn Lão	2,81				2,81	
61	Dự án Trang trại chăn nuôi heo Công nghệ cao	Hải Lăng	3,72				3,72	
	Tổng		877,81	27,26		237,15	488,19	125,21

Ghi chú: 61 công trình, dự án không có diện tích đất rừng đặc dụng